

Bản án số: 710/2023/HC-PT

Ngày: 21/8/2023

V/v “*Khiếu kiện QĐHC trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Đức Thiện, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 392/2023/TLPT-HC ngày 13 tháng 06 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện QĐHC trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

1/ Người khởi kiện:

1.1/ Ông Nguyễn Thanh H. (có mặt)

1.2/ Bà Phan Thị P (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp I, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Phạm Hoài T; Địa chỉ: số C, khu V, đường H, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

2/ Người bị kiện:

2.1/ Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H.

2.2/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Mạnh P1 - Phó giám đốc Sở. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: ông Lê Văn Ú - Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H. (có mặt)

Địa chỉ: số C, X, Phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Chí C** - Phó chi cục trưởng. (có mặt)

Địa chỉ: **Đường L, ấp D, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.**

3.2/ Ủy ban nhân dân huyện **V**, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh N** - Trưởng phòng tài nguyên và môi trường **huyện V**. (có mặt)

Địa chỉ: **số A, đường N, ấp D, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.**

3.3/ Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện V**, tỉnh Hậu Giang. (có đơn xin vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: ông **Võ Hoàng N1** - Giám đốc chi nhánh.

Địa chỉ: **số A, đường N, ấp D, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.**

3.4/ Ông **Trần Hoàng T1**; Địa chỉ: **Ấp F, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.** (vắng mặt)

3.5/ Ông **Lê Thanh L**. (có mặt)

3.6/ Ông **Võ Hoàng C1**. (có mặt)

3.7/ Ông **Phan Hữu P2**. (có mặt)

Cùng địa chỉ: **Ấp I, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện ông **Nguyễn Thanh H** trình bày: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: (1) Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 388/QĐ-STNMT ngày 22/6/2022 của Giám đốc **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H**. (2) Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 03/11/2021 cho ông **Lê Thanh L, Võ Hoàng C1, Phan Hữu P2**; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông **Trần Hoàng T1** ngày 16/7/2019 của **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H**.

Lý do khởi kiện: Đất đã hết thời hạn sử dụng đất, trình tự bán đấu giá tài sản không đúng quy định. Ông **T1** là cán bộ nhà nước nhưng được đứng tên mua đất lúa là không đúng quy định.

- Người khởi kiện bà **Phan Thị P** trình bày: Ngân hàng là nợ riêng của tôi, phần đất riêng của tôi chỉ để thi hành án cho 13 quyết định khác. Thi hành án không có cho tôi thỏa thuận với những người được thi hành án. 13 người tôi thiếu nợ trả đủ tiền chưa tôi không biết.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H** đã có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án nên bảo lưu ý kiến. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định về trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 84 Nghị định 43 của Chính phủ, khoản 5, Điều 9 thông tư 24/2014 của **Bộ T2** được sửa đổi, bổ sung tại điều 2 Thông tư 09/2021 của **Bộ T2**. Hộ gia đình ông **T1** có xác nhận của xã là có thu nhập chính từ nông nghiệp căn cứ hướng dẫn điểm a, khoản 2 Điều 3, thông tư 33 năm 2017 của **Bộ T2** cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho ông T1 là đúng quy định. Trình tự bán đấu giá tài sản không thuộc thẩm quyền của Sở T nên không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục THADS huyện V trình bày: Sau khi thụ lý hồ sơ vụ việc của bà P thì bà P, ông H đang thế chấp tài sản tại ngân hàng nên đã kê biên quyền sử dụng đất đối với 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà P để bán đấu giá. Đến lần giảm đấu giá thứ 4 thì ông L, ông P2, ông C1 mua đấu giá, sau đó là ông T1 trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Chi cục đã hoàn tất các thủ tục trúng đấu giá tài sản. Ông H, bà P phải thi hành cho 13 bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật số tiền hơn 600.000.000 đồng và lãi chậm thi hành án, đồng thời bà P, ông H có vay ngân hàng số tiền 700.000.000 đồng. Ngân hàng không phải là người được thi hành án nhưng có văn bản yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Thi hành án có Quyết định cưỡng chế thi hành án ngày 28/10/2016. Kê biên 05 thửa đất của ông H, bà P. Tổng số tiền bán đấu giá lần 1 là 838.220.000 đồng, lần hai là 409.000.000 đồng. Tổng là 1.247.220.000 đồng đã trừ hết các khoản nợ phải thi hành của ông H, bà P.

- Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V trình bày: Theo công văn của Sở T thì Chi nhánh thống nhất và bổ sung thêm kết quả đấu giá của Thi hành án, xã V xác nhận vô biên bản đất hết hạn sử dụng và niêm yết, kết thúc niêm yết. Theo quy định thì Đất hết hạn nhưng vẫn được kê biên và bán đấu giá. Chi nhánh văn phòng đăng ký có thực hiện việc gia hạn theo văn bản của cơ quan Thi hành án (chỉnh lý trang 4) gia hạn quyền sử dụng đất đến ngày 20/5/2066 (04 thửa của ông L, ông P2, ông C1 đã trúng đấu giá 16/11/2017).

- Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện V trình bày: Ủy ban nhân dân huyện V không có ý kiến gì.

- Ông Lê Thanh L trình bày: Tôi trúng đấu giá hợp pháp, nhưng không được sử dụng đất, nên yêu cầu được nhận đất, nếu không nhận đất thì buộc Thi hành án phải giao tiền lại cho tôi.

- Ông Võ Hoàng C1 trình bày: Tôi yêu cầu giải quyết cho tôi để tôi được xạ lúa, tôi yêu cầu được nhận đất canh tác. Tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/11/2021.

- Ông Phan Hữu P2 trình bày: Đề nghị sớm khắc phục cho tôi được nhận đất canh tác, do 06 năm nay tôi không được nhận đất.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện Luật sư Phạm Hoài T trình bày: Việc Chi nhánh gia hạn quyền sử dụng đất theo văn bản của Tổng cục thi hành án có đúng quy định không, vì văn bản này là văn bản dưới luật. Đất cấp cho ông T1 là cấp riêng cho ông Thám k phải cấp cho hộ gia đình ông T1. Đề nghị xem xét lại do ông T1 là cán bộ, công chức.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người khởi kiện là ông H, bà P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Quyết định số 388 ngày 22/6/2022 của Giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh H còn giữ lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở T cấp cho ông L, ông C1, ông P2 và ông T1.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015.

Điểm đ khoản 1 Điều 99, Khoản 3 Điều 100, Khoản 3 Điều 105, khoản 1 Điều 126; khoản 3 Điều 191 của Luật đất đai năm 2013;

Khoản 1 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật khiếu nại năm 2011;

Khoản 1, khoản 2 Điều 106 Luật thi hành án dân sự;

Mục 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Khoản 5 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T2 về hồ sơ địa chính được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ T2 Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T2 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H, bà Phan Thị Phi .

- Đình chỉ yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 388/QĐ-STNMT ngày 22/6/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H;

- Bác yêu cầu của ông H, bà P về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02251 cho ông Lê Thanh L, số CS02252 ông Võ Hoàng C1, số CS02249 và CS02250 cho ông Phan Hữu P2 do Văn phòng đăng ký đất đai được Sở T ủy quyền cấp ngày 03/11/2021.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01736 ngày 16/7/2019 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp cho ông Trần Hoàng T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh H và bà Phan Thị P kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, xử hủy các GCN QSDĐ: số CS 02251 cấp cho ông Lê Thanh L; Số CS 02252 cấp cho ông Võ Hoàng C1; Số CS 02249 và số CS 02250 cấp cho ông Phan Hữu P2, do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H cấp cho các ông L, C1, P2 nêu trên vào ngày 03/11/2021; Yêu cầu trả lại đất theo giấy chứng nhận đã cấp cho ông

H, bà P. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Thanh H và bà Phan Thị P vẫn giữ theo yêu cầu kháng cáo như trên.

- Tại tòa, đại diện cho Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh H cũng như đại diện cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Hậu Giang thì đề nghị Tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, bà Phan Thị P được làm trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Theo đơn khởi kiện, ông H bà P khởi kiện đòi hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 388/QĐ-STNMT ngày 22/6/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H và các GCN QSDĐ như: Giấy số CS 02251 cấp cho ông Lê Thanh L; Giấy số CS 02252 cấp cho ông Võ Hoàng C1; Giấy số CS 02249 và số CS 02250 cấp cho ông Phan Hữu P2; Giấy số CS 01736 cấp cho ông Trần Hoàng T1. Tại tòa sơ thẩm thì ông H bà P rút lại yêu cầu, không yêu cầu đòi hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 388/QĐ-STNMT ngày 22/6/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H nữa. Bản án sơ thẩm xử đình chỉ yêu cầu đòi hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 388/QĐ-STNMT ngày 22/6/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H và xử hủy GCN QSDĐ số CS 01736 cấp cho ông Trần Hoàng T1 ngày 16/7/2019, phần này không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Đối với ông Nguyễn Thanh H bà Phan Thị P kháng cáo đòi hủy các GCN QSDĐ do Văn phòng đăng ký đất đai được Sở TNMT ủy quyền cấp cho ông Lê Thanh L theo Giấy số CS 02251; Cấp cho ông Võ Hoàng C1 theo Giấy số CS 02252; Cấp cho ông Phan Hữu P2 theo Giấy số CS 02249 và CS 02250 cùng ngày 03/11/2021 thì thấy như sau:

- Theo tài liệu của Cơ quan thi hành án (Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy) thì ông H bà P phải có trách nhiệm thi hành các bản án/quyết định án dân sự, nhưng ông bà không tự nguyện thi hành nên cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế bằng hình thức kê biên, bán đấu giá tài sản là QSDĐ của ông H bà P. Theo quyết định cưỡng chế kê biên QSDĐ số 01/QĐ-CCTHA ngày 28/10/2016, hội đồng bán đấu giá tài sản ngày 16/10/2017, ông Võ Hoàng C1 mua 4.107m² đất Lúa giá 246.128.754 đồng (BL 447); Ông Lê Thanh L mua 4.867m² đất Lúa giá 285.749.615 đồng; Ông Phan Hữu P2 mua 1.344m² đất Lúa giá 80.940.000 đồng và 3.666m² đất Lúa giá 220.400.000 đồng (BL 401, 407). Theo quyết định số 02/QĐ-CCTHA ngày 13/11/2017 giao tài sản trúng đấu giá cho ông Võ Hoàng C1; Quyết định số 01/QĐ-CCTHA ngày 13/11/2017 giao tài sản trúng đấu giá cho ông Lê Thanh L; quyết định

số 03/QĐ-CCTHA và số 04/QĐ-CCTHA ngày 13/11/2017 giao tài sản trúng đấu giá cho ông **Phan Hữu P2** (BL 417, 419, 420).

- Theo Công văn số 1650/TCQLĐĐ-CĐKĐĐ ngày 03/8/2020 của **T3** và Công văn số 3299/TCTHADS-NV1 ngày 28/9/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự, căn cứ vào khoản 1 Điều 126 Luật đất đai năm 2013, việc cơ quan thi hành án kê biên bán đấu giá tài sản và đề nghị Sở TNMT xem xét cấp GCN QSDĐ cho người trúng đấu giá (ông **L**, ông **C1**, ông **P2**), việc **sở T4** xem xét cấp QSDĐ cho người trúng đấu giá (ông **L**, ông **C1**, ông **P2**) là đúng quy định pháp luật, nên HĐXX chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không chấp nhận kháng cáo của ông **H**, bà **P**, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông **Nguyễn Thanh H**, bà **Phan Thị Phi**.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

[2] – Áp dụng Các Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính 2015.

Điểm đ khoản 1 Điều 99, Khoản 3 Điều 100, Khoản 3 Điều 105, khoản 1 Điều 126; khoản 3 Điều 191 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật khiếu nại năm 2011; Khoản 1, khoản 2 Điều 106 Luật thi hành án dân sự; Mục 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Khoản 5 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của **Bộ T2** về hồ sơ địa chính được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của **Bộ T2** Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của **Bộ T2** quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Thanh H**, bà **Phan Thị P** về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02251 cấp cho ông **Lê Thanh L**; Số CS02252 cấp cho ông **Võ Hoàng C1**; số CS02249 và CS02250 cấp cho ông **Phan Hữu P2** do Văn phòng đăng ký đất đai được **Sở T** ủy quyền cấp ngày 03/11/2021.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Ông **Nguyễn Thanh H** và bà **Phan Thị P** mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Ngày 13/3/2023, ông **Nguyễn Thanh H** và bà **Phan Thị P**

mỗi người đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000408; và biên lai thu tiền số 0000409 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang, số tiền này được chuyển qua thi hành phần án phí phải nộp.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/8/2023.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Hậu Giang (1);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1);
- Dương sự;
- Cục THA DS tỉnh Hậu Giang (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (2) (NĐT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Chánh Trung